

HỒ BIỂU CHÁNH và tiểu thuyết TIỀN BẠC BẠC TIỀN

PHẠM NGỌC LAN

Những năm 1920 - 1930, trên văn đàn Việt Nam, ngoài những truyện ngắn của Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn, tiểu thuyết **TỔ TÂM** của Hoàng Ngọc Phách, **QUẢ DƯA ĐỎ** của Nguyễn Trọng Thuật, **KIM ANH LỆ SỬ** của Nguyễn Trọng Khiêm ở Nam Bộ, cùng với các cây bút Bửu Đình⁽¹⁾, Phú Đức⁽²⁾ và một vài người khác⁽³⁾, những quyển tiểu thuyết đầu tiên của Hồ Biểu Chánh cũng được đương thời chú ý. Có thể nói Hồ Biểu Chánh là một trong số ít nhà văn đã có công đầu trong việc đặt nền móng cho thể loại tiểu thuyết ngay trong thời kỳ chưa ổn định của văn xuôi quốc ngữ. Hơn nữa ông lại là một cây bút miền Nam đã để lại một khối lượng tác phẩm và mang rất đậm dấu ấn của vùng đất này. Trong hoàn cảnh cuộc chiến tranh chống xâm lược nóng bỏng của đất nước kéo dài nhiều năm trước đây, Hồ Biểu Chánh chưa được nói đến nhiều, chưa được đánh giá đúng mức, có lẽ cũng vì phần cuối cuộc đời hoạt động của ông có những lùm lùm về chính trị, điều đó đã khiến cho nhiều nhà nghiên cứu ngần ngại khi đánh giá. Và chẳng sách của Hồ Biểu Chánh được lưu hành chủ yếu ở phía Nam, nên việc tiếp cận tác phẩm cũng gặp trở ngại, vì thế rất khó có được cái nhìn toàn diện về sáng tác của ông. Và một vài nhà nghiên cứu có nói đến Hồ Biểu Chánh thì thường dừng lại ở những nhận định tổng quát, ghi nhận một số đóng góp chung của Hồ biểu Chánh cho thể loại tiểu thuyết. Ở đây có thể kể đến *Phê bình và cáo luận* của Thiệu Sơn⁽⁴⁾. *Nhà văn hiện đại* của Vũ Ngọc Phan⁽⁵⁾. *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam* của nhóm Lê Quý Đôn⁽⁶⁾. *Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam* của Khoa văn Trường đại học Sư phạm Hà Nội⁽⁷⁾. Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, thông tin giữa hai miền được nối liền, chúng ta biết thêm các cuốn sách viết về Hồ Biểu Chánh như *Việt Nam văn học sử trích yếu* của Nghiêm Toản⁽⁸⁾. *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* của Phạm Thế Ngũ⁽⁹⁾. *Bảng lược đồ văn học Việt Nam* của Thanh Lăng⁽¹⁰⁾; đặc biệt là cuốn *Chân dung Hồ Biểu Chánh* của Nguyễn Khuê⁽¹¹⁾. Điều đáng nói hơn là do những biến động đổi mới của đất nước những năm gần đây; các nhà nghiên cứu đã có cái nhìn cởi mở hơn đối với những tác giả có vấn đề chính trị. Việc Hồ Biểu Chánh được chính thức đưa vào Từ điển văn học cách đây sáu năm, với những nhận xét đúng mức về những đóng góp cũng như hạn chế của tác giả⁽¹²⁾, có thể xem là một sự nhạy cảm khá sớm của giới khoa học, góp phần chuẩn bị cho bước phát triển tiếp theo của ngày hôm nay, các nhà xuất bản đã và đang lần lượt cho in lại những tác

⁽¹⁾ Với các tác phẩm *Nổi mệ ... tình con* (1924), *Tâm lòng vàng đá* (1926 - 1927), *Mảnh trăng thu* (1930), *Cậu Tam lọ* (1931).

⁽²⁾ Với tác phẩm “*Châu về hiệp phố*” (1926 - 1928).

⁽³⁾ Như Nguyễn Chánh Sắt, Lê Hoàng muru, Phạm Minh Kiên, Nguyễn Văn Vĩnh ...

⁽⁴⁾ *Phê bình và cáo luận*, Nam kỳ thư quán, Hà Nội, 1933.

⁽⁵⁾ *Nhà văn hiện đại*, NXB Tân dân, Hà Nội, 1942.

⁽⁶⁾ *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam*, NXB Xây dựng Hà Nội, 1957

⁽⁷⁾ Do Nguyễn Đình Chú chấp bút, NXB Giáo dục Hà Nội, 1960, Về sau khi in lại, chương viết về Hồ Biểu Chánh đã bị cắt bỏ.

⁽⁸⁾ *Việt Nam văn học lịch sử trích yếu*, NXB Vĩnh bảo, Sài Gòn, 1956.

⁽⁹⁾ *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*, tập III, Quốc học tùng thư, Sài Gòn, 1965.

⁽¹⁰⁾ *Bảng lược đồ văn học Việt Nam*, NXB Trình bày, Sài Gòn 1967.

⁽¹¹⁾ *Chân dung Hồ Biểu Chánh*, Lửa thiêng, Sài Gòn, 1974.

⁽¹²⁾ Do Nguyễn Huệ chi chấp bút, Tập I, NXB KHXH, Hà Nội, 1983

phẩm đặc sắc của Hồ Biểu Chánh, có kèm theo những "lời đề dẫn", "lời giới thiệu" cặn kẽ⁽¹³⁾. Và lần đầu tiên, một hội nghị khoa học về Hồ Biểu Chánh đã được mở tại Tiền Giang vào cuối năm 1988.

Hồ Biểu Chánh tên thật là Hồ Văn Trung, tự Biểu Chánh, hiệu Thứ Tiên, về sau lấy tên tự làm bút hiệu chính thức. Ông sinh ngày 1-10- 1885 (Năm Ất Dậu) tại làng Bình Thành, tỉnh Gò Công, nay là tỉnh Tiền Giang. Là con thứ năm trong gia đình nghèo đông con; thuở nhỏ Hồ Biểu Chánh đã phải vất vả thiếu thốn nhiều. Mãi đến năm chín tuổi, ông mới được đi học chữ nho ở trường làng. Đến khi cha mẹ rời chợ Giồng Ông Huệ. Ông bắt đầu học chữ quốc ngữ và chữ Pháp tại trường tỉnh Vĩnh Lợi (1896 - 1898) và trường tỉnh Gò Công (1898 - 1901). Sau đó ông được cấp học bổng để đi học trung học Mỹ tho (1902 - 1903), rồi trường Chasseioup-Laubat ở Sài Gòn (1904 - 1905). Cuối năm 1905 ông thi đậu thành chung và năm 1906 ông thi đậu ký lục thuộc Soái phủ Nam Kỳ. Từ đó cho đến năm 1941 ông làm việc cho chính phủ Pháp, trải qua nhiều lần chuyển chuyển thăng dần tới Đốc phủ sứ. về cuối đời ông có những lầm lạc đáng tiếc về chính trị. Tháng 8 năm 1941, ông được cử làm nghị viên Hội đồng liên bang Đông Dương. nghị viên Hội đồng thành phố Sài Gòn, kiêm chức Phó đốc lý thành phố Sài Gòn. Từ 1942 đến 1944, ông là Nghị viên Hội đồng quản trị Sài Gòn - Chợ Lớn, đồng thời làm Giám đốc *Nam Kỳ tuần báo* (1942) và *Đại Việt tập chí* (1942), là những công cụ tuyên truyền cho chủ nghĩa Pháp Việt. Sau Cách mạng tháng tám, thực dân pháp gây hấn ở Nam Bộ, lập "Nam Kỳ quốc" dựng chính phủ bù nhìn Nguyễn Văn Thinh thì một lần nữa Hồ Biểu Chánh được mời ra làm cố vấn cho chính phủ này. Song chỉ mấy tháng "Nam Kỳ quốc" thất bại, Nguyễn Văn Thinh tự tử, ông cũng bỏ về ở ẩn tại quê quán. Ông mất ngày 4-11-1958 tại nhà riêng ở Phú Nhuận, Sài Gòn, nay là thành phố Hồ Chí Minh.

Không phải ngay từ đầu Hồ Biểu Chánh đã viết tiểu thuyết. Truyện dài đầu tay của ông là U tình lục viết năm 1909, theo thể lục bát. Ông ngưng viết gần 10 năm, rồi từ 1922, chuyển sang viết tiểu thuyết và sáng tác đều đặn, liên tục cho đến chết. Say mê với ngòi bút sáng tác trong suốt nửa thế kỷ, Hồ Biểu Chánh đã vừa là nhà thơ, nhà văn, vừa là nhà biên kịch, nhà báo, nhà khảo cứu... và để lại một khối lượng lớn tác phẩm : 64 tiểu thuyết, 12 tập truyện ngắn và truyện kể, 12 vở hài kịch và ca kịch, 5 tập thơ và truyện thơ, 8 tập ký, 12 tập khảo cứu và phê bình. Ngoài ra còn có các bài diễn thuyết và hai tác phẩm dịch. Những cuốn tiểu thuyết được đương thời chú ý là *Ai làm được* (1912 - 1922). *Chúa tàu kim quy* (phỏng theo Bá tước Monte-Cristo của A. Dumas, 1923), *Cay đắng mùi đời* (phỏng theo *Không gia đình* của Malot, 1923), *Một chữ tình* (1923), *Tình mộng* (1923), *Nhân tình ấm lạnh* (1925), *Tiền bạc bạc tiền* (1925), *Thầy thông ngôn* (1926), *Ngọn cỏ gió đùa* (phỏng theo *Những người khốn khổ* của V. Hugo, 1926), *Chút phận linh đình* (1928), *Kẻ làm người chịu* (1928), *Vì nghĩa vì tình* (1929), *Nặng gánh cang thường* (1930), *Con nhà nghèo* (1930), *Con nhà giàu* (1931), *Cười gượng* (1935), *Thiệt giả thiệt* (1935), *Nợ đời* (1936), *Đóa hoa tàn* (1936)... Những tác phẩm này được viết trong khoảng thời gian khá tập trung (1922 - 1936), đó cũng là những tác phẩm tiêu biểu nhất cho văn tài của Hồ Biểu Chánh. Giai đoạn sau ông còn có thêm nhiều tác phẩm, nhưng tư tưởng và nghệ thuật không có những sáng tạo gì mới so với trước. Theo *Chân dung Hồ*

⁽¹³⁾ Chẳng hạn của Nguyễn Văn Y, Trần Hữu Tá

Biểu Chánh⁽¹⁾ cho biết thì đến lúc mất, trên bàn viết của ông vẫn còn một cuốn tiểu thuyết đang viết dở, chứng tỏ ông viết khá sung sức và bền bỉ cho đến những ngày cuối cùng của cuộc đời.

Có lẽ điều quan trọng giúp Hồ Biểu Chánh giữ được sự trung thực sắc xảo, tinh thần nhân đạo cho ngòi bút của mình là về căn bản, ông luôn giữ được lòng thanh liêm, biết yêu thương con người, biết phần nộ trước mọi bất công ngang trái. *Lời di chúc* của ông để lại cho con cháu giúp chúng ta hiểu rõ hơn con người nhà văn và mục đích viết văn của ông: "Hồi làm quan thì ta chăm nom giúp đỡ người nghèo nên ta được tiếng thương dân, mà viết tiểu thuyết ta cũng cố giữ vẹn đạo hiếu nghĩa và luôn bình vực hạng bình dân nghèo hèn nên ta được thiện cảm của quần chúng"⁽¹⁾. Hẳn là những lầm lỗi của Hồ Biểu Chánh trên tư cách "con người công dân" có đưa một số ý kiến, dư luận, phản ứng khác nhau trong các tầng lớp xã hội Việt Nam lúc ấy. Nhưng trên tư cách "con người nghệ sĩ" thì không kể một ít vở tuồng viết theo lối "đặt hàng" thời kỳ làm Đại Việt tập chí, có thể nói khi cầm bút viết tiểu thuyết, chính là Hồ Biểu Chánh đã viết bằng sự rung động của trái tim, bằng sự lịch duyệt nhân tình thế thái của một người đã từng tiếp xúc với đủ mọi hạng người, có nhiều dịp quan sát cảnh đời mới, chứng kiến những tập tục của cuộc đời cũ, hiểu rõ phong tục từ thành thị đến nông thôn miền Nam. Đối với Hồ Biểu Chánh, "viết tiểu thuyết là để cảm hóa, đặng lần lần dẫn dắt quần chúng về đường chính đạo quang minh"⁽²⁾. Con đường ấy là đạo làm người, lấy sự hiếu nghĩa, nhân ái, trung hậu, trong sạch làm gốc. Điều đó giải thích vì sao ông đặt tên tự cho mình là Biểu Chánh, tức là biểu dương chính nghĩa - và mục đích đạo lý đã như sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ các tác phẩm của ông.

Dù khi Hồ Biểu Chánh phỏng theo tiểu thuyết nước ngoài hay khi ông hoàn toàn sáng tạo thì tác phẩm của ông cũng vừa đạt được mục đích luân lý đạo đức, vừa góp phần phơi bày thực trạng xã hội miền Nam những năm đầu thế kỷ XX đến sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, với những xáo trộn dữ dội do chủ nghĩa thực dân đem lại. Dưới những trang viết của ông là một cuộc sống hồi hã, đua chen để làm giàu và hiển nhiên đằng sau sự chi phối mạnh mẽ, sự tác quái của đồng tiền là những hành vi thấp hèn bản năng, phi nhân tính, là những thủ đoạn xảo quyệt, những mưu toan lừa lọc, bịp bợm, đầu cơ trục lợi, mua danh bán tước, là những cảnh đời xa hoa trác táng, hãm hiếp, giết người, là nạn thất nghiệp sự khủng hoảng bần cùng ... xét cho cùng nhân vật của Hồ Biểu Chánh cũng còn tuân theo một phần ý muốn chủ quan của tác giả, biểu hiện ngay ở ý thức đặt tên nhân vật phù hợp với dụng ý xây dựng tính cách. Chẳng hạn Bá Vạn (tức là người ham giàu), Thủ Nghĩa (người nhân nghĩa), Chánh Tâm (người có tâm chân chính)... Cốt truyện vẫn được xây dựng trên mâu thuẫn thiện ác, kết thúc có hậu như trong truyện cổ tích và truyện nôm bình dân. Tuy vậy Hồ Biểu Chánh cũng đã có những tìm tòi sáng tạo trên cả những phương diện nội dung lẫn hình thức nghệ thuật. Một mặt ông mạnh dạn sử dụng những biện pháp vượt ra ngoài đạo lý thông thường làm chất liệu chính cho tiểu thuyết; mặt khác ông sử dụng biện pháp tả thực kết hợp với một cách diễn đạt nôm na bình dị để miêu

(1) Chân dung Hồ Biểu Chánh, sdd

(1) *Lời di chúc*, dẫn theo Chân dung Hồ Biểu Chánh, sdd, trang 295.

(2) Dẫn theo Chân dung Hồ Biểu Chánh, sdd

tả, xây dựng những nhân vật đa diện, chịu sự chi phối của động lực xã hội hơn là ý muốn chủ quan của mình. Với từng ấy biến đổi, Hồ Biểu Chánh đã có những đóng góp đáng kể cho thể loại tiểu thuyết trong buổi đầu hình thành.

*

* * *

Trong số tác phẩm của Hồ Biểu Chánh được đương thời đánh giá cao. Tiền bạc bạc tiền là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất. Theo Huỳnh Lý "*Truyện tiền bạc bạc tiền* có thể xếp ngang với những tác phẩm có giá trị nhất của chủ nghĩa hiện thực sau này"⁽³⁾. Nội dung của Tiền bạc bạc tiền có thể tóm tắt như sau :

Nhà tư sản Trần Bá Vạn và vợ là Đỗ Thị Đào có con trai là Bá Kỳ vừa thi tốt nghiệp trường Pháp chánh, nên hai vợ chồng đang mong con về để biết kết quả kỳ thi. Bá Kỳ cùng với bạn là Hiếu Liêm trở về báo tin cả hai đều thi đỗ. Con gái đầu và con gái út của Bá Vạn là Thanh Huê và Thanh Kiều cùng với chồng Thanh Huê là Như Bình đều ra chúc mừng. Cả nhà bày tiệc ăn mừng, Bá Kỳ mời luôn cả Hiếu Liêm và mẹ Hiếu Liêm là Cao Thị Quyên đến dự. Tối hôm đó Bá Kỳ rủ Hiếu Liêm sắp tới cùng ra Hà Nội học tiếp, Hiếu Liêm nói nhà nghèo phải ở nhà dạy học, nuôi mẹ, không thể tiếp tục đi học được. Bá kỳ lại nói sẽ xin cha mẹ gả Thanh Kiều cho Hiếu Liêm. Song, vợ chồng Bá Vạn không những từ chối đề nghị của Bá Kỳ mà Đỗ Thị còn nói lời khinh miệt mẹ con Hiếu Liêm. Việc không thành Bá Kỳ và Hiếu Liêm đều buồn, nhưng hai người vẫn giữ quan hệ thân thiết như cũ. Ít lâu sau, Hiếu Liêm được bố đi dạy ở trường Chợ Đũi, còn Bá Kỳ ra Hà Nội học.

Bá Vạn có người chị ruột là Trần Thị Lành, đã trải qua nhiều đời chồng, đến lúc ba lăm tuổi thì quyến rũ được ông Phủ Khánh Long rất giàu có và trở thành bà Phủ. Hai chị em Bá Vạn bất đồng với nhau nhiều năm, ít qua lại thăm nhau. Vì bà Phủ rất giàu có, lại không có con nên Đỗ Thị khuyên chồng chịu nhún với bà Phủ để về sau hưởng gia tài. Nghe lời vợ Bá Vạn quyết ra tranh cử Hội đồng quản hạt và nhận lời gả Thanh Kiều cho thầy thuốc Thái Thường. Nhân bà Phủ ra chơi vợ chồng Bá Vạn ân cần tiếp đón rồi thưa với bà Phủ việc tranh cử Hội đồng và việc gả Thanh Kiều với hy vọng bà Phủ sẽ cho tiền, nhưng bà Phủ chẳng tỏ thái độ gì. Sau đó, vợ chồng Bá Vạn ráo riết lo tranh thủ sự giúp đỡ của nhiều người và đổ tiền ra mua cử tri. Hai lần bầu cử đã làm sạt nghiệp mà lại không trúng cử, Bá Vạn buồn phiền sinh ốm rồi chết. Đỗ Thị đến xin bà Phủ cứu giúp gia đình khởi phá sản, nhưng bà phủ nhieć móc đuổi ra không giúp đỡ. Thầy thuốc Thái Thường biết nhà Bá Vạn sắp phá sản bèn từ hôn với Thanh Kiều. Nhà cửa của Bá Vạn bị phát mãi, Đỗ Thị phải đưa Thanh Kiều đến ở nhờ vợ chồng Thanh Huê. Được ít ngày, bà Phủ lại đến bảo hai mẹ con Đỗ Thị về ở với bà. Bá Kỳ từ Hà Nội về thấy vậy bèn can ngăn đừng ăn đồng tiền bất nhân của bà Phủ, nhưng Đỗ Thị không nghe. Bá Kỳ đến nhà Hiếu Liêm than thở với bạn về chuyện nhà mình và nói sẽ không nhận đồng tiền phi nghĩa để ăn học. Hiếu Liêm xin được giúp Bá Kỳ tiền ăn học cho đến khi tốt nghiệp, Bá Kỳ cảm động nhận lời.

Đỗ Thị gắng nhục ở nhà bà Phủ vì bà hứa sẽ tìm nơi giàu có để gả Thanh Kiều. Thanh Huê giận nhau với chồng cũng xin đến ở nhờ bà Phủ. Ham nhà Triệu

Cố giàu có, bà Phủ và Đổ Thị ép Thanh Kiều lấy lẽ Triệu Cố là con "chệt". Thanh Kiều không nghe thì hai bà mắng chửi đánh đập tàn nhẫn. Thanh Kiều lên đậu rất nặng, khi lành mặt bị rỗ; Triệu Cố chê không hỏi nữa. Bà Phủ và Đổ Thị tính gả nàng cho ông Huyện hàm Phan Phú Thứ rất giàu có, đã năm mươi tuổi, vừa góa vợ, nhưng ông Huyện hàm từ chối không lấy Thanh Kiều vì nàng nhỏ tuổi hơn con gái ông. Ông xin được lấy Đổ Thị. Bà Phủ khuyên Đổ Thị nhận lời. Đổ Thị đồng ý. Ông Huyện hàm mời bà Phủ, Đổ Thị Thanh Huệ về thăm nhà ông. Trên đường đi, người lái xe của bà Phủ cố ý phóng xe với tốc độ lớn để trả thù sự ngược đãi của bà chủ; phanh không kịp, xe bị lao xuống ruộng, bà Phủ và người lái xe chết, Đổ Thị và ông Huyện hàm bị thương phải nằm bệnh viện, Thanh Kiều vào viện chăm sóc mẹ. Vợ chồng Thanh Huệ làm lành với nhau, ở nhà lo đám tang bà Phủ và người lái xe. Vì được gia tài đồ sộ của bà Phủ, Đổ Thị bèn từ chối không lấy ông Huyện hàm nữa, rồi đưa Thanh Kiều và vợ chồng Thanh Huệ về ở nhà bà Phủ, sống bằng gia tài của bà Phủ.

Bá Kỳ đỗ com-mi, trở về Sài Gòn làm việc và ở nhờ Hiếu Liêm, không chịu về ở với gia đình. Được ít lâu, Đổ Thị ốm nặng vì di chứng sau lần bị tai nạn ô-tô, Bá Kỳ về chăm sóc mẹ cho đến khi mẹ chết. Gia tài bà Phủ được chia đều cho ba chị em Bá Kỳ. Bá Kỳ đem phần của mình tặng cho Khuyến học hội, chàng vẫn ở nhà Hiếu Liêm.

Một hôm Bá Kỳ nhận được thư Thanh Kiều cho biết nàng đã đi tu, Hiếu Liêm lúc này mới khóc và tỏ thật cho Bá Kỳ là mình vẫn luôn nhớ Thanh Kiều bấy lâu nay. Cao Thị khuyên hai người đi tìm đón Thanh Kiều về. Hiếu Liêm và Bá Kỳ đi tìm mấy chùa mới gặp Thanh Kiều, cả hai đều hết sức thuyết phục Thanh Kiều hoàn tục. Cảm động trước tình cảm chân thành của Hiếu Liêm, cuối cùng Thanh Kiều đồng ý trở về. Ít lâu sau, Thanh Kiều và Hiếu Liêm làm lễ cưới.

*

* *

Với 150 trang sách khổ nhỏ, Hồ Biểu Chánh đã đề cập đến một vấn đề lớn mà rất nhiều nhà văn nhà thơ Việt Nam đã từng đề cập trong tác phẩm của mình : vấn đề đồng tiền trong đời sống xã hội. Tác giả thông qua câu chuyện về một gia đình với những mối quan hệ thân sơ, những thăng trầm, đã dựng lên một cách khá sinh động bức tranh xã hội miền Nam trên con đường tư sản hóa nhanh chóng. Chủ đề tư tưởng tác phẩm rất rõ, có thể tóm tắt trong lời phê phán của Bá Kỳ - một nhân vật chính diện trong tác phẩm: "Tiền bạc bạc tiền thật là khổ nạn lắm. Vì tiền bạc bạc tiền mà người đời họ hư danh dự, họ phế như nghĩa, họ quên liêm sỉ ". Đó là thực sự diễn ra trong tác phẩm, đó cũng có thể coi như lời phê phán của tác phẩm đối lập nhân nghĩa với tiền bạc, đề cao nhân nghĩa trước sức cám dỗ của tiền bạc. Chính vì tiền mà ngay trong gia đình Bá Vạn cũng đã phân hóa thành hai loại người đối lập : người tốt và kẻ xấu, kẻ trọng tiền tài danh vọng, người quý nhân nghĩa thủy chung. Thành công của "Tiền bạc bạc tiền" là ở chỗ đã xây dựng được những tính cách bị chi phối bởi một dục vọng duy nhất là lòng háms danh, háms tiền. Đổ Thị là biểu hiện tập trung nhất của loại tính cách này. Đó là một người đàn bà khá xinh đẹp và hấp dẫn : "... người đã

⁽³⁾ Lược thảo Lịch sử văn học Việt Nam, sdd

quá bốn mươi tuổi mà dung nhan còn đẹp, quần áo mặc toàn lụa trắng, cổ, tai chớp nhoáng thủy xoàn, da trắng thêm dồi phần, tóc đen lại gỡ lảng nhuốt". Tác giả không miêu tả tỉ mỉ nhan sắc của Đỗ Thị mà có dụng ý tô điểm thêm vẻ đẹp chung của bà ta bằng những đồ trang sức sang trọng và vẻ trau chuốt của người đàn bà giàu có sung sướng. Nhưng chỉ ngay sau đó, bà ta dần dà bộc lộ bản chất con người thực của mình qua cuộc nói chuyện với Bá Kỳ : "cô vừa nghe Bá Kỳ thỏ thẻ xin gả Thanh Kiều cho Hiếu Liêm thì cô thò tay móc một cục thuốc sống mà xía ngoài rạch, rồi cười gằn mà nói rằng : "con sợ em con nó ế chồng hay sao mà con lo gả gấp dữ vậy?. Mà dầu có gả thì để cho cha mẹ lựa chỗ nào cho xứng đáng cho con Thanh Kiều khỏi hèn hạ thân nó, chớ sao con lại bảo gả cho Hiếu Liêm? Má thấy nhà nghèo má sợ lắm"". Từ cử chỉ, ngôn ngữ, đến cái cười gằn của người đàn bà này đã toát lên một vẻ gì hợm hĩnh, khác xa khuôn mặt đóm dáng mà ta vừa gặp; dường như thói khinh miệt người nghèo đã thấm vào máu thịt bà ta. Đỗ Thị nói dứt khoát với Bá Kỳ ; "Gả như vậy sao được, Hiếu Liêm nghèo mà bà già nó hèn hạ quá". Xúc phạm nặng nề đến mẹ con Hiếu Liêm, Đỗ Thị đã tự phớt trần bản chất coi trọng tiền bạc hơn nhân phẩm. Với Đỗ Thị, khuyên chồng tranh cử Hội đồng cũng chỉ để được gọi là bà Hội đồng, được sang hơn thiên hạ; mà gả chồng cho con cũng chỉ có mục đích vụ lợi, cốt nhằm vào những nơi sang trọng giàu có. Bà ta cùng với chồng ra tận ngoài đường đón bà Phủ rồi đon đả mời mọc, đón ý lựa lời thì không phải muốn giữ đạo làm em mà vì trọng két bạc của bà Phủ giàu có. Chả thế khi bà Phủ chết, bà ta không hỏi thăm việc tang gia thế nào, nhưng câu hỏi đầu tiên là hỏi chìa khóa két bạc của bà Phủ. Vốn là con quan lại sa sút, vì "mang tiếng lẩn xẩn", phải ép mình lấy người thấp hơn, nhờ ông chồng có chí mà được làm chủ cả một cơ nghiệp lớn, ở Đỗ Thị có sự nhào nặn tinh vi giữa ý thức kiêu ngạo về dòng dõi cao sang và những tính toán tích góp tiền bạc. Dầu sao cũng được giáo dục trong môi trường giao tiếp với tầng lớp trên của xã hội, Đỗ Thị biết tạo cho mình bề ngoài hợp đạo lý, còn những toan tính cân nhắc thì lại nằm sâu trong bộ óc linh hoạt nhạy bén khi thấy hơi tiền. Có người đến hỏi cưới Thanh Kiều, Đỗ Thị không vội tỏ ngay ý riêng mà sử dụng một cách nói "phân hai" để kéo dài thời gian cho đối tượng bộc lộ gia cảnh đã : "Đỗ Thị suy nghĩ một hồi, nếu có rể làm thầy thuốc thì đáng mừng, song không biết bà sui giàu hay nghèo, nên nói phân hai rằng : "con nhỏ tôi xưa rày họ đi nói hai ba chỗ rồi, mà cha nó mắc lo đi tranh cử Hội đồng, lại thấy nó còn nhỏ quá, nên ổng chưa chịu gả chỗ nào hết"". Đến khi nghe nói nhà bà Phán Quý có vốn năm bảy ngàn và hứa đi hỏi cưới đều cho hột xoàn thì Đỗ Thị "chẳng còn chi giục giặc nữa". Phải nói rằng ngòi bút tả thực của nhà văn đã lột tả sắc nét con người mưu mô giảo hoạt của Đỗ Thị. Bản sắc cá nhân của bà ta rất khác với chị em Bá Vạn, tuy cũng tham tiền, đều giả nhưng trắng trợn, ít mưu mẹo và không cần che giấu. Đỗ Thị đã từng tuyên bố một triết lý sống : "Phận tôi đây không cần, ai giỏi thì cười, miễn là có nhiều tiền thì thôi". Và tuân theo triết lý ấy, bà ta đã từng bước, từng bước ngày càng dần sâu hơn vào sự vô luân và phi nhân, bất kể lòng tự trọng, danh dự, tình cảm. Hợm hĩnh, kiêu hãnh về dòng dõi, về sự giàu sang của mình bao nhiêu khi thất thế bà ta cũng sẵn sàng nuốt nhục chịu lụy để van xin sự cứu vớt ở người mà bà ta khinh ghét. Dù nhục nhã vì những lời nhiếc mắng nặng nề của bà Phủ, Đỗ Thị vẫn cam phận ở nhờ bà Phủ hy vọng gia tài giàu có của chị chồng sẽ vào tay mẹ con mình và vì bà Phủ đã hứa tìm nơi giàu có để gả Thanh Kiều. Vì tiền mà Đỗ Thị ép Thanh Kiều lấy Triệu Cố

là con “chệt”, Thanh Kiều không chịu thì bà vừa chửi bới đánh đập tàn nhẫn, vừa dỗ ngọt. Cũng vì tiền cho nên khi Triệu Cố chê Thanh Kiều mặt rỗ thì Đỗ Thị “nhìn Thanh Huệ và thầm tiếc không đem chị thế cho em được”. Những việc như thế Đỗ Thị đang tâm làm được thì việc rắp tâm gả Thanh Kiều cho ông Huyện hàm góa vợ đã năm mươi tuổi nhưng giàu có cũng chỉ là bước phát triển tất yếu của cái tính cách tham tiền lóa mắt mà thôi. Ghê sợ hơn và cũng vô liêm sỉ hơn, bà ta bước lên đỉnh đỉnh của lòng hám tiền bằng việc tự mình nhận lời lấy ông Huyện hàm, rồi cũng ngay sau đó, khi không cần đến ông nữa, bà ta trở mặt tàn nhẫn. Đạo lý nhân nghĩa ở bà ta đã không còn chỗ tồn tại, nói đúng hơn thể thái nhân tình trong xã hội lúc này đã đến chỗ cực kỳ tệ hại, bởi vì đồng tiền chi phối mọi suy nghĩ, hành vi ứng xử của những người như Đỗ Thị. Có thể nói Hồ Biểu Chánh đã khắc họa thành công hình ảnh Đỗ Thị như là một đại biểu của tâm lý giai cấp tư sản trên con đường làm giàu : không từ bất cứ thủ đoạn việc làm nào để có tiền. Cũng có lúc ngòi bút của ông chột trở nên sắc xảo tinh vi, ghi lại những khoảnh khắc đầy tính toán của Đỗ Thị trước mỗi lợi. Đây là một đêm mất ngủ của Đỗ Thị : “Đỗ Thị ngủ không được, cứ nằm lo tính, như mình gả Thanh Kiều mà đòi được 5 ngàn đồng bạc thì dùng làm vốn cho vay. Mà nghĩ bây giờ mình góa bụa cho vay cũng bất tiện, thôi mình mua ít căn phố cho mượn, mỗi tháng góp tiền phố mà xài cho xong. Thiệt có phố cũng khó lắm, nay hư chỗ này, mai hư chỗ nọ, phải sửa hoài, mua ruộng mới chắc ăn hơn. Mà ruộng bây giờ mắc quá, mua ruộng không lời nhiều, lại số bạc mình có 5 ngàn, mua ruộng có bao nhiêu đâu. Đỗ Thị nằm tính đến khuya mới mòn rồi ngủ quên”.

Nếp cảm, nếp nghĩ của Đỗ Thị là như vậy. Bà ta chỉ có cái vỏ “con nhà dòng dõi”, còn suy nghĩ là suy nghĩ của bọn con buôn, của loại tư sản đang còn lo ki cốp dần dần từ những món tiền nhỏ nhặt. Nhưng không phải chỉ có Đỗ Thị bị đồng tiền làm lóa mắt, xung quanh bà ta còn cả một lũ người cũng không kém đê tiện đã bổ sung thật trọn vẹn bức tranh xã hội mà đồng tiền ngự trị với sức cám dỗ ghê gớm, làm xói mòn tình cảm, biến con người thành hàng hóa để “sinh lời”. Bá Vạn và bà Phủ có một lý lịch làm giàu “trứ danh”, hoặc bằng thủ đoạn cho vay nặng lãi, hoặc bằng tội ác như lừa lọc gian trá, giết người. Bá Vạn từ một trai nghèo ít học, lấy được con quan rồi đi làm cho hãng buôn ở Sài Gòn, nhờ tận tụy bền chí mà có số bạc dư, cho vay lãi và trở nên giàu có. Bá Vạn thường nói : “Đời này hễ có nhiều tiền thì mạnh” và ông ta đã thấm nhuần chủ nghĩa thực dụng tư sản đến nỗi “thấy ai làm lợi cho mình mới chịu làm quen”; ngay đối với chị ruột, ông ta cũng rất “sòng phẳng” cho rằng : “Chỉ giàu thì chỉ ăn, chớ mình ăn được hay sao mà uật hạ cho uống công”. Con người ấy chỉ có cái “đức” thật thà lo tích góp tiền bạc mà thôi. Nhưng vì nghe lời ngon ngọt của vợ, đã giàu lại muốn sang nên ông ta mới đổ tiền ra mua cử tri để tranh ghế Nghị viên Hội đồng Quản hạt và đã phải trả giá bằng sự phá sản của cả một cơ nghiệp. Qua bước đường hư vọng của nhà tư sản Trần Bá Vạn, chúng ta có thể thấy được thực chất những cuộc bầu cử Hội đồng Quản hạt ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX là sự mua danh bán tước nhằm mưu cầu lợi ích riêng. Trong các cuộc bầu cử đó, cử tri thì “ai cũng quyết đem quyền bỏ thăm ra đấu giá mà bán chớ không biết dùng quyền ấy mà lựa người xứng đáng đặng bầu cử để thay mặt lo những việc ích quốc lợi dân”; còn ứng cử viên thì thực hiện các thủ đoạn lừa bịp mị dân như vợ chồng Bá Vạn đã làm, sau đó đến lúc bầu cử lại đổ tiền ra mua cử tri. Bá Vạn quyết chí dành chức Nghị viên không phải vì háo cái danh lớn như bà vợ mà cái đầu óc

thực dụng của ông ta cũng đã kịp tính toán để thấy rằng : “Đời bây giờ làm nghề nào cho lợi bằng Hội đồng”. Phải chăng suy nghĩ này cũng xuất phát từ thực tế của xã hội lúc bây giờ.

Hồ Biểu Chánh đã mạnh dạn phơi bày mặt trái của những ông Hội Đồng, những bà Phủ, bà Huyện là những bậc “cha mẹ dân” với một thái độ phê phán rất rõ ràng và trực diện. Bà Phủ Khánh Long, tức Trần Thị Lành lại là một phương diện đặc biệt của lối làm giàu tư sản và lối cư xử rất “địa chủ” với kẻ ăn người làm. Là một người “nhân sắc tâm thường” nhưng “tính tình gian dối, văn nói khôn lanh”. Trần Thị Lành đã làm nên sự nghiệp chỉ bằng cách buôn bán hôn nhân: lấy chồng Tây, thay đổi chồng nhiều lần và mỗi lần lại thêm vàng bạc. Khi gần tứ tuần. Trần Thị Lành quyến rũ được ông Phủ Khánh Long, có cưới hỏi đàng hoàng, đã thu tóm hết quyền hành trong nhà ông Phủ, rồi sau lại dùng thuốc độc giết chết ông Phủ và hai người con trai ông để chiếm phần lớn gia tài. Bà ta keo kiệt, độc đoán đối với em và cháu, độc ác thô bạo với kẻ ăn người làm, tiền tiêu không hết thì để dành chứ không bố thí, cũng không chịu cúng chùa miếu. Nhưng gieo gió ắt gặt bão, cuối cùng chính bà đã phải trả giá cho những hành vi tàn ác bất nhân bằng cái chết do sự trả thù của người lái xe bị bà ngược đãi quá đáng.

Tình cảm chị em giữa vợ chồng Bá Vạn với bà Phủ là một sự thực chua chát về tình cảm con người trong một xã hội mà đồng tiền ngự trị ở khắp nơi, khắp mọi ngõ ngách sâu kín của tư tưởng, tình cảm là thước đo sự “mặn nồng” ngay cả trong quan hệ máu mủ ruột thịt. Để có thể kiếm thêm tiền tranh cử Hội đồng Quản hạt, vợ chồng Bá Vạn phải buộc lòng bỏ dỡ bà chị gái giàu có là bà Phủ mà bao nhiêu lâu Bá Vạn thù ghét ra mặt. Những trang viết về cuộc gặp gỡ giữa “chị Phủ” và hai vợ chồng cậu em là một hoạt cảnh sinh động, trong đó mỗi tính cách hiện ra với một đặc sắc riêng : Bà Phủ thì vẫn giữ vẻ bề trên trịch thượng, cộc cằn, thô bạo, không tình cảm, còn Đổ Thị và Bá Vạn thì phải ép mình làm ra vẻ lịch sự, sẵn đón và rất mực giữ lễ. Vợ chồng Thanh Huê cũng chẳng thua kém các bậc cha mẹ. Khi cha mẹ giàu có Thanh Huê khinh khi ức hiếp chồng, chỉ lo bòn tiền của cha mẹ để ăn diện, cờ bạc; đến khi cha mẹ phá sản cô ta chẳng tỏ nỗi buồn rầu lo lắng cho những người ruột thịt mà chỉ bức bối vì sẽ không còn được tiền xài. Nhìn mọi thứ qua uy lực của đồng tiền cô ta làm thế nào hiểu được hành vi cao thượng của em trai và em gái. Bất kể danh dự, liêm sỉ, cô ta thúc mẹ lấy ông Huyện hàm Phan Phú Thứ để mình có tiền tiêu và cũng sẵn sàng gian lận, bớt xén tiền bạc khi cầm chìa khóa két bạc của bà Phủ. Còn Lý Như Bình, chồng Thanh Huê cũng bị sức mạnh của đồng tiền nhà vợ biến thành kẻ nhu nhược yếu hèn, đánh mất cả tư thế đàng hoàng lẫn lòng tự trọng của mình. Gia đình Bá Vạn thì đã vậy, đến cả bà Phán Quí và cậu con trai là thầy thuốc Thái Thường cũng coi hôn nhân như một phương tiện để “đào mỏ”; họ sẵn lòng các cô gái chưa chồng của những gia đình giàu có để nhờ mai mối đánh tiếng xin cưới hỏi nhưng khi nhà gái chẳng may bị phá sản thì họ cũng vội vàng thất tín từ hôn ngay. Không tình nghĩa, không thủy chung, trước sau cả một lũ người quay cuồng trong cơn khát tiền bạc, chỉ tính toán giá trị con người qua hột xoàn bạc muôn, đã tạo nên cái nền tối tăm, ngột ngạt trong tác phẩm.

Đối lập với bóng tối là ánh sáng từ tâm hồn của những người chân chính trong sạch biết trọng nhân phẩm, yêu nhân nghĩa, trung hậu, thủy chung trong

tình bạn, tình yêu. Bá Kỳ, Thanh Kiều tuy sống trong sang giàu giữa những người ruột thịt và họ hàng đều tham tiền bạc, nhưng cả hai người đều hướng về nhân nghĩa và điều thiện. Hết bị ép gả cho Thái Thường, Triệu Cố, lại bị ép gả cho ông Huyện hàm đã năm mươi, Thanh Kiều tuy còn ít tuổi đã phải trải qua tâm trạng ê chề của một người con gái bị biến thành món hàng rao đi bán lại, bị “thách giá” và lẽ dĩ nhiên cũng bị “dìm giá” vì lời lẽ.

Trong thư gửi cho Bá Kỳ trước khi đi tu, Thanh Kiều chua xót và cay đắng viết: “Người đời nay từ sang chí hèn, ai cũng tranh tiền bạc mà thôi không kể chi nhân nghĩa. Em tuy là phận gái cũng bắt ngán ngấm ... Đã mấy phen thân em như một món hàng để giữa chợ, chẳng khác nào một miếng mồi để câu sự giàu sang”. Thanh Kiều than thân phận nàng hay phải chẳng nàng tổ cáo, phê phán cả một xã hội? Đồng cảm được với tâm sự của Thanh Kiều trước hết phải kể đến anh trai nàng là Bá Kỳ. Không nhiễm thói xấu của những người cùng giai cấp xuất thân lại được học hành hiểu biết, Bá Kỳ đã nhìn thấu bản chất xấu xa của những người ruột thịt và không ngần ngại nhìn thẳng vào sự thật đó để phê phán. Chàng giữ gìn tình bạn cao quý thủy chung với người bạn nghèo, trung hậu là Hiếu Liêm. Chàng quý trọng khâm phục Hiếu Liêm vì phẩm chất của Hiếu Liêm. Chàng từng chân thành nói với Hiếu Liêm: “Anh cứ so sánh giàu nghèo hoài. Vậy chớ tài học với tánh tốt của anh không đáng bạc muôn hay sao?... Con người ở đời cái phải là quý hơn hết”. Bá Kỳ vui lòng nhận số tiền nhỏ mọn của Hiếu Liêm để ăn học vì đó là đồng tiền trong sạch, vì tình nghĩa, nhưng chàng dứt khoát từ chối cả một tài sản lớn của bà cô bởi vì “Cô của tôi ngày xưa làm điều đại ác, nên mới giàu có lớn được đó. Tôi nói thật, thà tôi chết đói, chớ không khi nào tôi thọ của cô tôi một đồng xu”. Bá Kỳ đem gia tài được chia cúng cho Khuyến học hội, còn Thanh Kiều thì đem cúng cho Hội nuôi gái mồ côi, cả hai anh em đều hành động và suy nghĩ giống nhau, tuy họ chưa hề trao đổi tâm sự. Và cũng chỉ có tìm được ở Hiếu Liêm tâm hồn tri kỷ, Bá Kỳ mới có thể tâm sự với Hiếu Liêm về tư cách thấp hèn của những người trong gia đình mình, đồng thời cũng có nhận xét rất thấm thía về mẹ con Hiếu Liêm : “Để tôi nói cho anh nghe, anh tuy con nhà nghèo nhưng anh có bà mẹ tánh tình cao thượng cư xử nhân từ, nghèo mà biết trọng thanh danh, khổ mà không tham của phi nghĩa. Phận bác góa bụa nghèo hèn mà nuôi con ăn học cho được thành thân, lại dạy anh ở cho nên người phải như vậy thì đáng kính phục biết chừng nào. Ngày nay tuy anh làm thầy giáo chứ không làm ông chi lớn, song anh có thể nuôi bác, lại mẹ con đồng tình hiệp ý, trong nhà thuận thảo ấm no, hạnh phúc cho người như vậy ngộ cũng đủ rồi, chớ nào phải làm chức cho lớn, có bạc cho nhiều mới gọi là hạnh phúc hay sao”. Thiết tưởng trong cả lời phê phán và ca ngợi của bá Kỳ đều chứa đựng quan niệm về nhân cách, về hạnh phúc của Hồ Biểu Chánh, cũng có thể coi đó là những tuyên ngôn đạo lý của ông.

Dưới ngòi bút của Hồ Biểu Chánh, những hành vi ứng xử có tính chất đạo lý ở những con người giàu sang đôi khi có gây cảm tưởng thiếu tự nhiên, hoặc mang màu sắc lý tưởng, nhưng ở những người lao động nghèo, có vị trí thấp trong xã hội thì các hành vi này lại được ông miêu tả tự nhiên, thoải mái, giống như thuộc tính của họ. Bà mẹ Hiếu Liêm chỉ là một người đàn bà bình thường, vì nghèo phải đi gói nem bán để nuôi con ăn học, nhưng bà thấm nhuần tình cảm bao dung, nhân hậu; bà rất thấu hiểu nhân tình nên có được thái độ bình tĩnh trước sự khinh rẻ của người giàu. Với một trí tuệ lành mạnh của người bình dân,

bà đã biết chia xẻ động viên Hiếu Liêm lúc chàng buồn nản vì tình, rồi khuyến khích chàng đi đến với tình yêu bằng hành động kịp thời đi tìm đón Thanh Kiều. Một Hiếu Liêm lấy vợ là “muốn kết hôn nghĩa chớ không cần lợi ích” và một bà mẹ cưới con dâu “không cần nhan sắc và cũng không thêm tiền bạc” là sự tương phản với những bà Phán Quí, Thái Thường, Triệu Cố. ngợi ca những người lao động nghèo đã là một tiến bộ của Hồ Biểu Chánh. Tích cực hơn, Hồ Biểu Chánh còn cho ta thấy những con người ở dưới đáy xã hội nghèo khổ bị bóc lột áp bức, không phải lúc nào cũng cam chịu mà lúc này lúc khác khi bị ngược đãi đã có hành động phản kháng, chẳng khác nào những anh Pha, chi Dậu trong tác phẩm của các nhà văn hiện thực sau này. Chị Lại, anh sộp phớ, tuy chỉ là những nhân vật hiện ra thoáng trong tác phẩm, nhưng đã gợi lên rất nhiều thương xót cho người đọc. Anh sộp phớ hết lòng hầu hạ chủ, bị mắng chửi đánh đập, si nhục đến đâu cũng nhẫn nại chịu đựng; nhưng trước sự đày đọa cùng cực của một bà chủ lúc nào cũng thích đày đọa người làm, đặt anh vào nguy cơ bị đuổi việc một cách vô cớ, thì anh đã phản ứng lại. Suy nghĩ của anh của anh rất đơn giản chất phác : “mình đập cho hết xăng đặng chạy mau một lần chơi, kéo bấy lâu nay mình chạy chậm bị chúng bạn chê cười, bà có chửi thì chửi, bề nào mình cũng bị đuổi, chẳng cần phải sợ nữa”. Tuy liều lĩnh vì cùng đường, lần đầu tiên anh đã làm cho bà chủ phải khiếp sợ, nhưng cũng là lần cuối cùng, bởi vì anh và cả bà chủ phải chết thê thảm không kịp nói một lời, dù là lời chửi bới của bà chủ hay là lời than ai oán của chính anh. Trong cuốn tiểu thuyết “Những người chết còn trẻ mãi” của nữ văn sĩ Đức Anna Seghers ra đời sau “Tiền bạc bạc tiền” của Hồ Biểu Chánh đến 22 năm (1947), anh lái xe Bêchke cũng đã có hành động phản kháng tương tự khi tan vỡ ảo tưởng về tình thân thiết giữa anh và ông chủ Klem mà anh đã hết lòng trung thành và cứu sống nhiều lần. Nhận thức rõ thân phận tôi tớ của mình chỉ là vật hy sinh cho quyền lợi của chủ Bêchke đã lái xe lao xuống dòng sông kết thúc cuộc đời Klem và thủ tiêu luôn cả cuộc sống của mình. Phải chăng ở bất cứ đâu, bất cứ thời gian nào trên trái đất này, nơi nào có áp bức bất công là nơi đó phản kháng, nơi nào có sự xúc phạm quyền sống con người là nơi đó có sự khám phá, nhìn nhận bản lĩnh và khát vọng của con người, đó chính là những vấn đề muôn đời của nhân loại , nó khiến cho giữa Hồ Biểu Chánh và Anna Seghers tuy ở hai phương trời khác nhau và trong những hoàn cảnh lịch sử không giống nhau, nhưng kẻ trước người sau đều có những gặp gỡ trùng hợp lý thú trong sáng tạo hình tượng, trong liên tưởng nghệ thuật đặc sắc của họ.

Một thành công nữa của “*Tiền bạc bạc tiền*” là tác phẩm đã chú trọng khai thác nội tâm nhân vật, từ tâm lý tham tiền, hám lợi đến chuyện tình cảm yêu đương. Như trên chúng tôi đã phân tích, Hồ Biểu Chánh đã khắc họa khá thành công tâm lý tham tiền thông qua các nhân vật Bá Vạn, bà Phủ... đặc biệt là Đổ Thị. Riêng vấn đề tình yêu có lẽ Hồ Biểu Chánh không có được cái sắc xảo đó. Tuy vậy, ở lĩnh vực này Hồ Biểu Chánh cũng đã có những thành công nhất định trên phương diện khai thác một số trạng thái biểu hiện của tình yêu. Vấn đề tình yêu đặt ra trong tác phẩm không giống với “Tổ Tâm” của Hoàng Ngọc Phách, “Lấy nhau vì tình” của Vũ Trọng Phụng, Đoạn tuyệt, Lạnh lùng của Nhất Linh... Ở đây tác giả đã có một giải pháp cải lương : hợp pháp hóa tình yêu tự do trong khuôn khổ gia giáo phong kiến. Lý tưởng gia đình của Hồ Biểu Chánh là một cuộc sống gia đình hòa thuận, kính trên, nhường dưới, trong đó gia pháp phong kiến vẫn tồn tại, dung hòa với tình yêu tự do theo lối tư sản. Hồ Biểu Chánh đã miêu

tả khá tỉ mỉ diễn biến tình cảm giữa Hiếu Liêm và Thanh Kiều. Ngay trong buổi tiệc mừng Bá Kỳ thi đỗ, Thanh Kiều đã có ý thương mến Hiếu Liêm nên “ngồi ăn nhưng thỉnh thoảng lại liếc ngó Hiếu Liêm”. Sự thương mến đó là tình cảm rất tự nhiên của người con gái trước một chàng trai học giỏi, nhà nghèo nhưng có chí, tính tình ôn hòa, trung hậu. Nhưng cảm tình của Thanh Kiều rất lặng lẽ kín đáo và vẫn ở trong khuôn khổ gia giáo. Thanh Kiều vẫn quan niệm phải có người làm mai đến hỏi thì mới gặp gỡ chuyện trò. Vì vậy khi bị cha mẹ ép gả cho Thái Thường, tuy Thanh Kiều thương mến Hiếu Liêm cũng không dám nói ra, cũng không có tư thế chủ động mạnh dạn “xăm xăm băng lối vườn khuya một mình”. Thái độ của Thanh Kiều trong tình yêu trước sau vẫn là thái độ thụ động. Ngay khi gặp Hiếu Liêm ở chợ Bến Thành, Thanh Kiều gọi Hiếu Liêm và lật đật muốn xuống nói chuyện thì đó cũng chỉ là một lần duy nhất nàng có cử chỉ bộc phát tự nhiên của tình cảm, còn sau đó thì tình cảm của nàng lại là sự âm thầm nén lại ở trong lòng. Riêng tình cảm của Hiếu Liêm thì có khác. Hiếu Liêm tuy bắt đầu để ý đến Thanh Kiều từ sau khi có gợi ý của Bá Kỳ, nhưng tình cảm của chàng lại chuyển biến phát triển khá rõ. Ngôi bút của Hồ Biểu Chánh đã rất tinh tế trước những biểu hiện thầm kín của sự xao xuyến rung động trong tâm hồn Hiếu Liêm: “Hiếu Liêm thấy mặt Thanh Kiều khi nhớ mấy lời Bá Kỳ nói với mình trên xe nên trong trí lo ra hoài không nói chuyện chi hết mà cũng không dám ngó Thanh Kiều... Hiếu Liêm thấy Thanh Kiều đi lại gần bên mình, mùi dầu thơm bay ngào ngạt thì như ngây, như say, bởi vậy bưng chén nước mà tay run lấy bầy”. Sự cảm mến ấy là bước khởi đầu của tình cảm cho nên khi không được vợ chồng Bá Vạn chấp nhận làm con rể, nỗi tương tư trong lòng Hiếu Liêm chỉ mơ hồ thầm lặng “Bá Kỳ đi rồi, Hiếu Liêm nghĩ thầm từ này nhà Bá Vạn với mình chẳng còn tình nghĩa chi nữa hết, nên thất thểu trong lòng, hễ nhớ tới thì buồn, song không hiểu tại sao mà buồn như vậy”. Dần dần tình cảm ấy trở thành một ám ảnh đối với Hiếu Liêm và đến khi nghe tin Thanh Kiều lấy chồng thì nó đã bùng nổ thành nỗi đau đớn dầy vò thật sự. Hiếu Liêm khóc vì buồn tủi, đọc sách mà đọc không vào. Rồi từ chỗ sầu thảm đau khổ không thể nói lên được nữa mà cần phải bộc lộ chia sẻ với mẹ, tình yêu đã chuyển sang một sắc thái khác : chàng đâm ra hờn giận, rồi oán hận Thanh Kiều, Hiếu Liêm chôn sâu tình yêu xuống đáy lòng với rất nhiều tự ái. Tuy vậy trải qua bao nhiêu biến cố cuốn truyện khép lại bằng đám cưới hạnh phúc của Thanh Kiều và Hiếu Liêm được lấy nhau theo mong ước của tình yêu nhưng cũng là trong một không khí hiểu tình trọn vẹn.

Xét cho cùng, tuy tính cách nhân vật còn thuần nhất đơn điệu, tâm lý nhân vật còn sơ lược đơn giản, tình yêu thiếu hẳn chất say sưa mơ mộng, cốt truyện còn thật thà về tình tiết, nhưng Hồ Biểu Chánh đã có rất nhiều cố gắng để vừa thể hiện được thực trạng xã hội vừa lồng vào đó nội dung đạo lý mà ông đã theo đuổi suốt cả sự nghiệp sáng tác của mình. Tác phẩm đã dừng lại ở kết thúc có hậu sự trừng phạt đáng những kẻ xấu và ban thưởng thích đáng đối với người tốt. Tác phẩm gói gọn một lời khuyên : hãy bền lòng giữ nhân nghĩa nhưng đồng thời đã tiến rất gần đến chủ nghĩa hiện thực phê phán trên phương diện xây dựng những tính cách điển hình. Triết lý “giàu nghèo tại trời”, “ác giả ác báo”... tuy vẫn hiện lên trong tác phẩm song không còn đủ sức thuyết phục mạnh mẽ như trước mà đã bị chính sức mạnh của đời sống đẩy xuống hàng thứ yếu, dường như chỉ còn là một hình thức, một thuyết minh gượng gượng của tác giả. Bởi vì ở tác phẩm này, cái chi phối mạnh mẽ số phận của nhân vật không

phải là tại trời mà do đời sống xã hội là chủ yếu. Bà Phủ chết là do nạn nhân của bà nung nấu ý muốn trả thù. Đỗ Thị chết là do di chứng của lần bị tai nạn ô-tô. Người đọc thấy sự đa dạng của tính cách. Một Đỗ Thị khéo léo tinh vi trong biểu hiện của lòng tham tiền, bên cạnh một Bá Vạn "thực thà" biển lận, một bà Phủ độc ác, trắng trợn vô học và "hàng tôm hàng cá". Cái riêng của mỗi tính cách đã làm nên sự sinh động của tác phẩm. Tính cách nhân vật được khắc họa sắc nét đến nỗi nếu bà Phủ không chết cấm khẩu thì có lẽ người đọc phải giật mình tự hỏi : nếu nói được thì câu nói cuối cùng của bà phải chẳng là một lời mắng té tát đối với anh sộp-phơ? Và lời trăng trối của bà Phủ phải chẳng là : đừng để gia tài cho mẹ con Đỗ Thị, mà phải chôn tất cả xuống mồ, cho thỏa lòng tham vô đáy của mình.

Đáng tiếc là với một nội dung sâu sắc, Tiền bạc bạc tiền không tránh khỏi những hạn chế của thể loại trong buổi đầu của văn xuôi quốc ngữ. Truyện còn nặng về kể lể sự việc đôi khi lại xen những lời bình chủ quan của tác giả, lời văn chưa được gọt giũa, bên cạnh những câu văn biền ngẫu có đối có vần.

Tuy vậy, với những thành công và hạn chế của nó, Tiền bạc bạc tiền thực sự đã là một tiếng nói tiêu biểu cho tài năng của Hồ Biểu Chánh. Và mặc dù phương thức biểu hiện không còn thích hợp lắm với công chúng hiện đại, "Tiền bạc bạc tiền" vẫn có sức hấp dẫn nhất định, đó còn là lời cảnh tỉnh đối với những kẻ độc ác vô luân, coi tiền bạc là mục đích cuộc đời. Ý nghĩa xã hội của tác phẩm là ở đó.

PHẠM NGỌC LAN

Nguồn:

©2006 hobieuchanh.com